
NGHIÊN CỨU

Sử dụng mô hình cân đối liên ngành trong việc lựa chọn ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam

Nguyễn Phương Thảo *

*Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Lô D25, Ngõ 8B Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 14 tháng 4 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 7 tháng 11 năm 2015; chấp nhận đăng ngày 18 tháng 12 năm 2015

Tóm tắt: Việt Nam đi lên từ một nước nông nghiệp nghèo, do đó không thể đầu tư tràn lan cho tất cả các ngành, lĩnh vực; vấn đề đặt ra là cần xác định đúng các ngành, lĩnh vực trọng điểm, cần được ưu tiên phát triển. Trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam xác định việc lựa chọn ngành trọng điểm là cần thiết, từ đó đã có những văn bản xác định ngành trọng điểm. Tuy nhiên, do phương pháp lựa chọn chủ yếu dựa vào phân tích ý kiến chuyên gia nên việc lựa chọn ngành còn hạn chế. Nghiên cứu này đưa ra một phương pháp định lượng giúp việc xác định các tiêu chí lựa chọn ngành kinh tế trọng điểm rõ ràng hơn, từ đó đề xuất một số ngành có khả năng trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững cho nền kinh tế Việt Nam.

Từ khóa: Ngành kinh tế trọng điểm, mô hình cân đối liên ngành, liên kết ngành.

1. Giới thiệu

Trong gần 30 năm đổi mới và phát triển, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, từ một nước có thu nhập thấp đã trở thành nước có thu nhập trung bình thấp, đời sống nhân dân được nâng cao. Tuy nhiên, cùng với đó, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu bộc lộ những yếu kém, như: thâm hụt thương mại kéo dài, nợ nước ngoài tăng cao, lạm phát, thất nghiệp... Chính vì vậy, cần xem xét lại cấu trúc nền kinh tế và mô hình tăng trưởng hiện tại để cơ cấu lại và chú trọng vào các ngành có lợi thế, có tác

động tích cực đến toàn bộ nền kinh tế. Như đã biết, Việt Nam đi lên từ một nước nông nghiệp nghèo, do đó không thể đầu tư tràn lan cho tất cả các ngành, lĩnh vực; vấn đề đặt ra là cần xác định đúng các ngành, lĩnh vực trọng điểm, cần được ưu tiên phát triển.

Vậy thế nào là cấu trúc ngành và chọn ngành trọng điểm?

Năm 1941, Wasily Leontief đoạt giải Nobel với công trình “Cấu trúc của nền kinh tế Hoa Kỳ” [1]. Ông đã đưa ra ý niệm về cấu trúc ngành. Đến năm 1958, Albert Hirschman đưa ra mô hình “tăng trưởng không cân đối” (unbalanced growth), ý niệm về chỉ số lan tỏa và độ nhạy của các ngành, và cấu trúc kinh tế ở

*ĐT.: 84-917404259

Email: phuongthao17190@gmail.com

đây được hiểu là sự lan tỏa số nhân của các ngành trong nền kinh tế; sau đó hàm ý nguồn tiền đầu tư nên tập trung vào các ngành “trọng điểm” [2]. Các ngành này sẽ có mức độ lan tỏa cao hơn các ngành khác đến nền kinh tế (backward linkage) hoặc các ngành có độ nhạy cao đối với nền kinh tế (forward linkage). Ông cho rằng sự phát triển tốt nhất được tạo ra từ sự mất cân đối. Một số quốc gia đã ứng dụng mô hình cân đối liên ngành cho việc lựa chọn ngành trọng điểm của nền kinh tế để có hướng ưu tiên đầu tư hợp lý, tạo điều kiện cho các ngành này thể hiện vai trò đối với nền kinh tế, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững hơn.

Trên thực tế, Việt Nam đã xác định phát triển ngành trọng điểm là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam từ lâu được hiểu là tỷ trọng của giá trị tăng thêm các ngành chiếm trong GDP, cơ cấu của nhóm ngành nông nghiệp phải giảm dần trong khi nhóm ngành công nghiệp và dịch vụ phải tăng thì mới là tốt. Các địa phương thi nhau làm theo “khẩu hiệu” này và các khu chế xuất, khu công nghiệp, sân gôn mọc lên như nấm sau mưa mà không cần quan tâm đến hiệu quả kinh tế của nó, miễn sao trong báo cáo cuối năm cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng nông nghiệp giảm dần, công nghiệp và dịch vụ tăng dần là được. Với định hướng như vậy, việc mất đất nông nghiệp là đương nhiên, và tỷ trọng các nhóm ngành nông nghiệp trong GDP giảm là việc hiển nhiên. Một số ngành được Chính phủ xác định cần ưu tiên phát triển hầu hết thuộc nhóm ngành công nghiệp và được quy định trong “Quy hoạch và chiến lược phát triển ngành, chương trình ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến 2010, định hướng 2020”. Bên cạnh đó, Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan cũng ban hành một số quyết định về ngành công nghiệp mũi nhọn cần được

ưu tiên phát triển. Thực tế cho thấy, việc xác định ngành trọng điểm ở Việt Nam còn nhiều hạn chế do phương pháp xác định chủ yếu vẫn dựa trên các phương pháp định tính, thiếu các phương pháp định lượng, các tiêu chí xác định những ngành cần được ưu tiên đầu tư không thống nhất làm cho quá trình xác định gặp nhiều khó khăn; đây cũng là nguyên nhân khiến việc lựa chọn ngành thiếu đồng bộ, dàn trải. Các ngành được lựa chọn không tập trung (quá nhiều) làm giảm hiệu quả của việc đầu tư trọng điểm.

Nghiên cứu mô hình cân đối liên ngành trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội đã được thực hiện tại Việt Nam, với những nội dung liên quan tới cơ cấu ngành, như: Nghiên cứu của Bùi Trinh, Phạm Lê Hoa, Bùi Châu Giang (2008) đã đưa ra khái niệm cơ bản về số nhân nhập khẩu, mở ra phương pháp tính toán định lượng cho hệ số lan tỏa về nhập khẩu của các ngành kinh tế [3]. Dựa vào bảng cân đối liên ngành, nghiên cứu của Kwang M. K., Bùi Trinh, Kaneko F., Secretario T. (2007) đã chỉ ra cơ cấu kinh tế của Việt Nam các giai đoạn, đồng thời tính toán các chỉ số về độ lan tỏa, độ nhạy và kích thích nhập khẩu nhằm đưa ra một số hạn chế của nền kinh tế trong các giai đoạn [4]. Ngoài ra, một số nghiên cứu khác phân tích về mô hình cân đối liên ngành và cơ cấu kinh tế của Việt Nam như Bùi Trinh, Kiyoshi Kobayashi, Vũ Trung Điền, Phạm Lê Hoa và Nguyễn Việt Phong (2012) [5]; Bùi Trinh, Kiyoshi Kobayashi và Vũ Trung Điền (2011) [6]; Nguyễn Khắc Minh và Nguyễn Việt Hùng (2009) [7]...

Như phân tích trên, Việt Nam đã có nhiều văn bản quy định về ngành cần được ưu tiên phát triển cũng như các nghiên cứu về mô hình cân đối liên ngành (I/O) trong phân tích cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, các nghiên cứu này vẫn rời rạc, chưa có tính hệ thống và đề cập sâu tới

vấn đề sử dụng mô hình cân đối chưa liên ngành trong lựa chọn ngành trọng điểm tại Việt Nam. Nghiên cứu này sử dụng mô hình cân đối liên ngành để xem xét lựa chọn ngành kinh tế trọng điểm cho nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.

2. Phương pháp luận

2.1. Ngành kinh tế trọng điểm quốc gia

Quan điểm về phát triển ngành trọng điểm dựa trên cơ sở lý thuyết phát triển không cân đối hay các “cực tăng trưởng” được đề xướng năm 1950. Những đại diện tiêu biểu của lý thuyết này (A. Hirschman, F. Perrons) cho rằng việc hỗ trợ cho tất cả các ngành đồng nghĩa với việc không hỗ trợ cho ngành nào. Do đó, cần phải xác định đúng đắn các ngành trọng điểm là chủ lực và được ưu tiên phát triển với một tầm nhìn lâu dài trên cơ sở thích hợp để có thể tập trung nguồn lực hỗ trợ về con người và vốn đầu tư cho sự phát triển của ngành đó theo nguyên tắc “lựa chọn và tập trung” đồng thời đạt hiệu quả cao nhất, không thể và không nhất thiết đảm bảo tăng trưởng bền vững bằng cách duy trì cơ cấu cân đối liên ngành đối với mọi quốc gia.

Việc xác định các ngành trọng điểm của một nền kinh tế cũng được đề cập trong các nghiên cứu của Chenery và Watanabe (1958) [8]. Các ngành này là các ngành được xác định có mối liên hệ ngược (là mối liên hệ giữa người sản xuất và người cung ứng nguyên liệu đầu vào cho nhà sản xuất đó) và liên kết xuôi (là mối liên hệ giữa ngành sản xuất sản phẩm đó với ngành sử dụng sản phẩm đó như là đầu vào của mình) mạnh mẽ. Nhà kinh tế học Rasmussen (1956) [9] và Hirschman (1958) [2] có những nghiên cứu xoay quanh mối liên hệ giữa các ngành trong nền kinh tế để đưa ra quan

điểm về ngành kinh tế trọng điểm, theo đó những ngành này tạo ra được nhiều vòng nhu cầu gián tiếp ở các ngành khác, càng tạo được nhiều vòng thì ngành đó càng có tác động là động lực.

Từ cơ sở lý thuyết trên, trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng quan điểm của nhà kinh tế học Rasmussen và Hirschman: “Ngành kinh tế trọng điểm là ngành kinh tế có khả năng là động lực thúc đẩy đến sự phát triển của các ngành khác và quá trình phát triển bền vững của quốc gia trong những khoảng thời gian xác định”.

2.2. Mô hình cân đối liên ngành trong việc ước lượng các tiêu chí lựa chọn ngành kinh tế trọng điểm quốc gia

Theo nhà kinh tế học Hirschman, hai tiêu chí cơ bản để lựa chọn ngành trọng điểm là độ lan tỏa (liên kết ngược) và độ nhạy (liên kết xuôi). Bên cạnh đó, do tình hình thực tế ở mỗi nước, có thể đưa thêm vào các chỉ số khác để làm cơ sở lựa chọn. Một số nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam), tình hình thâm hụt thương mại xảy ra trong nhiều năm gây ra những hệ lụy bất ổn kinh tế vĩ mô, điều này yêu cầu cần có thêm tiêu chí để lựa chọn ngành trọng điểm là những ngành ít gây ra kích thích đối với nhập khẩu. Cùng với đó, hiện nay do tình trạng ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu trên thế giới ngày càng trầm trọng, vì thế, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường được đưa ra xem xét là hướng phát triển toàn cầu, tiêu chí lan tỏa đến môi trường được khuyến khích đưa ra làm tiêu chí lựa chọn ngành trọng điểm. Do vậy, tùy thuộc vào tình hình các quốc gia trong mỗi giai đoạn, có thể lựa chọn các tiêu chí khác nhau để lựa chọn ngành trọng điểm để từ đó đưa ra ngành phù hợp nhất làm ngành trọng điểm trong từng giai đoạn.

Mô hình I/O của W. Leontief bắt nguồn từ những ý tưởng trong bộ *Tư bản* của K. Marx khi ông tìm ra mối quan hệ trực tiếp theo quy luật kỹ thuật giữa các yếu tố tham gia quá trình sản xuất [10]. Tư tưởng này của K. Marx sau đó được W. Leontief (1973) phát triển bằng cách toán học hóa toàn diện quan hệ cung - cầu trong toàn nền kinh tế. Hiện nay có 2 loại bảng cân đối liên ngành, tuy nhiên về nguyên lý, bảng I/O dạng nhập khẩu cạnh tranh không tốt bằng bảng I/O dạng nhập khẩu phi cạnh tranh, vì ở dạng nhập khẩu cạnh tranh, bảng I/O không phân biệt được chi phí trung gian là sản phẩm trong nước hay nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, khi phân tích cấu trúc kinh tế thông qua các chỉ số lan tỏa hay độ nhạy của nền kinh tế, các nhà hoạch định chính sách sẽ không phân biệt được ngành nào là ngành “trọng điểm” thực sự của nền kinh tế. Bảng cân đối liên ngành dạng phi cạnh tranh đã tách các yếu tố trong nước và ngoài nước, vì vậy nó phản ánh tốt hơn rất nhiều về độ nhạy và độ lan tỏa của các ngành trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, từ bảng cân đối liên ngành dạng phi cạnh tranh cho phép xác định hệ số lan tỏa tới nhập khẩu của các ngành.

Các quan hệ cơ bản của mô hình:

Trong dạng I/O phi cạnh tranh, ta có:

$$(A^d + A^m)X + Y^d + Y^m - M = X \quad (1)$$

$$\rightarrow A^d X + Y^d + A^m X + Y^m - M = X \quad (2)$$

Ở đây:

$A^d X$ là véc tơ chi phí trung gian sản phẩm được sản xuất trong nước.

$A^m X$ là véc tơ chi phí trung gian là sản phẩm nhập khẩu.

Y^d là véc tơ nhu cầu cuối cùng sản phẩm được sản xuất trong nước.

Y^m là véc tơ nhu cầu cuối cùng sản phẩm nhập khẩu. Nhu cầu cuối cùng ở đây được hiểu bao gồm tiêu dùng cuối cùng của cá nhân, tiêu

dùng cuối cùng của nhà nước, tích lũy tài sản và xuất khẩu.

Từ đó ta có:

$$A^m X + Y^m = M \quad (3)$$

Quan hệ (3) được hiểu nhập khẩu M được chia ra véc tơ nhập khẩu cho sản xuất ($A^m X$) và véc tơ nhập khẩu cho sử dụng cuối cùng (Y^m).

Do đó, quan hệ (2) được viết lại:

$$A^d X + Y^d = X \quad (4)$$

Và:

$$X = (I - A^d)^{-1} \cdot Y^d \quad (5)$$

Như vậy, quan hệ (5) trở về quan hệ chuẩn của Leontief ở dạng phi cạnh tranh, ma trận nghịch đảo Leontief $(I - A^d)^{-1}$ phản ánh toàn bộ chi phí trong nước sản xuất ra một đơn vị sản phẩm cuối cùng của ngành.

Ứng dụng mô hình cân đối liên ngành để định lượng các tiêu chí xác định ngành kinh tế trọng điểm quốc gia:

- Lan tỏa kinh tế (liên kết ngược)

Trong mọi nền kinh tế, sự thay đổi cấu trúc của các ngành thường liên quan chặt chẽ với nhau: một số ngành phụ thuộc nhiều hơn vào các ngành khác, trong khi một số ngành khác chỉ phụ thuộc vào một số ít hơn các ngành còn lại. Do vậy, sự thay đổi của một số ngành sẽ có ảnh hưởng đến nền kinh tế nhiều hơn các ngành khác.

Độ lan tỏa kinh tế (liên kết ngược) dùng để đo mức độ quan trọng tương đối của một ngành với tư cách là bên sử dụng các sản phẩm vật chất và dịch vụ làm đầu vào từ toàn bộ hệ thống sản xuất so với mức trung bình của toàn nền kinh tế. Liên kết ngược được xác định bằng tỷ lệ của tổng các phần tử theo cột (tương ứng với ngành đang xét) của ma trận Leontief so với mức trung bình của toàn bộ hệ thống sản xuất. Tỷ lệ này còn được gọi là *hệ số lan tỏa* và được xác định như sau:

$BLi = \sum r_{ij}$ (cộng theo cột của ma trận Leontief) (6)

Và: Hệ số lan tỏa = $n.BLi / \sum BLi$ (7)

Trong đó: r_{ij} là các phần tử của ma trận Leontief; n là số ngành trong mô hình. Tỷ lệ này lớn hơn 1 và càng cao có nghĩa liên kết ngược của ngành đó càng lớn và khi ngành đó phát triển nhanh sẽ kéo theo sự tăng trưởng nhanh của toàn bộ các ngành cung ứng (sản phẩm, dịch vụ) của toàn hệ thống.

• Độ nhạy (liên kết xuôi)

Đo mức độ quan trọng của một ngành như là nguồn cung sản phẩm vật chất và dịch vụ cho toàn bộ hệ thống sản xuất. Mỗi liên kết này được xem như độ nhạy của nền kinh tế và được đo lường bằng tổng các phần tử theo hàng của ma trận nghịch đảo Leontief so với mức trung bình của toàn bộ hệ thống. Chỉ số liên kết xuôi của một ngành được tính như sau:

$FLi = \sum r_{ij}$ (cộng theo hàng của ma trận Leontief) (8)

Và: Độ nhạy = $n.FLi / \sum FLi$ (9)

Trong đó: r_{ij} là các phần tử của ma trận Leontief; n là số ngành được khảo sát trong mô hình. Tỷ lệ này lớn hơn 1 và càng cao có nghĩa liên kết xuôi của ngành đó càng lớn và thể hiện sự cần thiết tương đối của ngành đó đối với các ngành còn lại.

• Lan tỏa tới nhập khẩu

Trong dạng I/O phi cạnh tranh, ta có mối quan hệ:

$$(A^d + A^m)X + Y^d + Y^m - M = X \quad (10)$$

Mặt khác quan hệ này cũng có thể được viết:

$$X - A^m X = A^d X + C^d + I^d + E + C^m + I^m - M = TDD - M^p \quad (11)$$

Trong đó *tổng cầu trong nước* (bao gồm tiêu dùng trung gian, tiêu dùng cuối cùng, đầu tư và xuất khẩu) $TDD = A^d X + C^d + I^d + E$, ta có:

$$X = (I - A^m)^{-1} \cdot (TDD - M^p) \quad (12)$$

$$\text{Hoặc: } X = (I - A^m)^{-1} \cdot (TDD + C^m + I^m + E - M^p) \quad (13)$$

Ma trận $(I - A^m)^{-1}$ được gọi là ma trận nhân tử về nhập khẩu.

$IMi = \sum m_{ij}$ (cộng theo cột của ma trận $(I - A^m)^{-1}$)

Hệ số lan tỏa về nhập khẩu = $n.IMi / \sum IMi$

Như vậy, bảng I/O cần được lập dưới dạng nhập khẩu phi cạnh tranh, trong đó nhu cầu trung gian và nhu cầu cuối cùng đã được tách ra thành các sản phẩm trong nước và nhập khẩu, từ đó mới có thể xác định được hệ số lan tỏa về nhập khẩu. Hệ số này của ngành nếu lớn hơn 1 chứng tỏ các ngành này kích thích đến nhập khẩu và phụ thuộc lớn vào các yếu tố nhập khẩu. Hệ số này nhỏ hơn 1 và càng nhỏ chứng tỏ sự phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài thấp và là các ngành trong nước có lợi thế cạnh tranh hơn.

• Hệ số lan tỏa tới môi trường và năng lượng

Trong mối quan hệ với môi trường, đặt A^v là ma trận hệ số về môi trường bao gồm chất thải, đất đai, tài nguyên...

Tương tự như biến đổi trên, ta có ma trận $(I - A^v)^{-1}$ được gọi là ma trận nhân tử về môi trường.

$IVi = \sum v_{ij}$ (cộng theo cột của ma trận $(I - A^v)^{-1}$)

Hệ số lan tỏa về môi trường = $n.IVi / \sum IVi$

Hệ số này của ngành nếu lớn hơn 1 chứng tỏ các ngành này ảnh hưởng lớn tới môi trường. Hệ số này nhỏ hơn 1 và càng nhỏ chứng tỏ các ngành này ít ảnh hưởng tới môi trường và có lợi cho phát triển bền vững.

3. Nghiên cứu thực nghiệm

Nguồn số liệu sử dụng trong nghiên cứu là bảng cân đối liên ngành năm 2007 (cập nhật cho năm 2011). Bảng cân đối liên ngành này được cập nhật bởi Bùi Trinh và Dương Mạnh Hùng (Tổng cục Thống kê) dựa trên bảng SUT năm 2011 do Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương công bố, có 2 dạng cạnh tranh và phi cạnh tranh. Tuy nhiên, do hạn chế về số liệu nên không thể tách các yếu tố về môi trường trong bảng này. Do đó, không thể tính toán được hệ số lan tỏa tới môi trường trong các tiêu chí lựa chọn ngành trọng điểm. Căn cứ vào các danh mục ngành sản phẩm của bảng I/O năm 2007 (cập nhật năm 2011) [11] và danh mục ngành sản phẩm CPC cũng như các nguyên tắc gộp ngành sản phẩm và nguyên tắc gộp ngành kinh tế [12], nghiên cứu đã tiến hành gộp các ngành sản phẩm trong bảng IO về 39 ngành kinh tế tương ứng.

Kết quả tính toán cho thấy, những nhóm ngành có hệ số lan tỏa kinh tế, độ nhạy cao (lớn

hơn 1) và hệ số lan tỏa nhập khẩu thấp (nhỏ hơn 1) là nhóm ngành: Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến thực phẩm - đây là các ngành nên được lựa chọn là ngành trọng điểm của Việt Nam và ưu tiên đầu tư phát triển để thể hiện rõ hơn vai trò động lực cho các ngành khác và không gây ra thâm hụt thương mại trong tương lai.

Kết quả lựa chọn ngành trọng điểm tính toán từ bảng cân đối liên ngành năm 2007 (cập nhật năm 2011), so sánh với kết quả tính toán bảng I/O năm 2000, 2005 cho kết quả tương đồng. Điều này cho thấy trong hơn 10 năm qua, động lực của nền kinh tế không hề thay đổi, vẫn không có ngành nào ngoài nhóm ngành trọng điểm đã được lựa chọn có tác dụng là động lực cho nền kinh tế (Bảng 3).

Các ngành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến thực phẩm luôn có các chỉ số tốt trong giai đoạn 2000-2005. Tính toán bảng I/O năm 2007 (cập nhật năm 2011) đại diện cho giai đoạn 2007-2015 tiếp tục chỉ ra các ngành này nên được lựa chọn là ngành trọng điểm.

Bảng 2: Hệ số lan tỏa kinh tế, độ nhạy và hệ số lan tỏa nhập khẩu của một số ngành tính toán theo I/O dạng phi cạnh tranh năm 2007 (cập nhật năm 2011)

STT	Ngành	Hệ số lan tỏa	Độ nhạy	Hệ số lan tỏa nhập khẩu
3	Chăn nuôi	1,487580	1,005537	0,792475
6	Nuôi trồng thủy sản	1,225660	1,002300	0,796820
8	Sản xuất, chế biến thực phẩm	1,450314	1,896921	0,863322
9	Sản xuất, chế biến đồ uống	1,135085	1,004027	0,956310
11	Sợi và dệt	1,163608	1,184444	1,130263
12	Sản xuất trang phục	1,099309	1,062503	1,321120
20	Sản xuất kim loại và các sản phẩm từ kim loại	1,160994	1,370587	1,467364
21	Sản xuất máy móc, thiết bị	1,311884	1,380205	1,061646

Nguồn: Tính toán của tác giả từ bảng I/O 2007 (cập nhật năm 2011).

Bảng 3: Hệ số lan tỏa kinh tế, độ nhạy và hệ số lan tỏa nhập khẩu của một số ngành tính toán theo I/O năm 2000 và 2005

STT	Tên ngành	2000			2005		
		BL	FL	IM	BL	FL	IM
1	Chăn nuôi	1,2120	0,9890	0,9032	1,1600	1,0230	0,9540
2	Nuôi trồng thủy sản	1,0110	1,2350	0,9986	1,0360	1,136	0,9230
3	Chế biến thực phẩm	1,4440	0,8870	0,9020	1,4020	1,0880	0,9450
4	Khai khoáng	0,9620	0,8320	0,8703	0,9441	0,8310	1,0039
9	Sản xuất máy móc, thiết bị	1,0901	1,2085	1,2570	1,0120	1,0063	1,3520
10	Bán buôn và bán lẻ	0,9430	1,2560	1,0230	0,9660	1,010	0,9450
12	Vận tải đường bộ	0,7610	0,7680	1,0430	0,7390	0,8230	1,1690
13	Vận tải đường hàng không	1,0450	0,7850	1,0270	1,0400	0,8560	0,9680
14	Hoạt động kinh doanh, tài chính, bất động sản	0,9430	0,8710	0,9320	0,9410	0,9940	0,8840
15	Hoạt động quản trị công	0,9270	0,7600	0,9530	0,9450	0,7710	0,9140

Nguồn: Tính toán của tác giả từ bảng cân đối liên ngành I/O 2000, 2005.

Bên cạnh đó, các ngành sản xuất, chế biến đồ uống; sợi và dệt; sản xuất trang phục; sản xuất kim loại và các sản phẩm từ kim loại; sản xuất máy móc, thiết bị là những ngành có độ lan tỏa và độ nhạy cao, nhưng lại là những ngành kích thích nhập khẩu. Những ngành này vẫn có ý nghĩa là động lực thúc đẩy các ngành khác, tuy nhiên lại phụ thuộc nhiều vào nhân tố nước ngoài. Thực tế, hiện nay hội nhập kinh tế sâu rộng cho phép sự phụ thuộc, giao lưu lẫn nhau cùng phát triển. Do đó, thâm hụt thương mại là có thể chấp nhận được ở mức độ nhất định, đồng thời vẫn có thể chấp nhận phát triển một số ngành có vai trò động lực cao và kích thích nhập khẩu nhất định. Bởi vậy, nếu lựa chọn những ngành này là ngành trọng điểm, Việt Nam sẽ phải chấp nhận một mức thâm hụt nhất định trong thời gian tới, kèm theo đó, cần có giải pháp giảm dần sự phụ thuộc của các ngành này với các yếu tố bên ngoài để cải thiện hệ số kích thích nhập khẩu bằng cách xem xét phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ để

giảm bớt yêu cầu về nguyên vật liệu nhập khẩu từ bên ngoài.

Các ngành còn lại trong nhóm ngành công nghiệp, có hệ số lan tỏa kinh tế và độ nhạy thấp, hệ số lan tỏa nhập khẩu cao, nếu ưu tiên phát triển các ngành này thì nhập siêu ngày càng lớn, không có vai trò là động lực cho các ngành khác phát triển.

Đối với hầu hết các ngành trong nhóm ngành dịch vụ, hầu hết các nhóm ngành này đều có chỉ số lan tỏa, độ nhạy và hệ số lan tỏa nhập khẩu thấp. Lựa chọn các ngành này là ngành trọng điểm để ưu tiên phát triển trong giai đoạn hiện nay là chưa phù hợp.

Tác giả sử dụng tính toán tương tự đối với bảng cân đối liên ngành cạnh tranh để tính toán, kết quả tính hệ số lan tỏa và độ nhạy cũng cho kết quả tương ứng. Do đó, có thể đưa ra danh mục ngành có khả năng lựa chọn là ngành trọng điểm của Việt Nam giai đoạn 2007-2015 như sau:

Cũng qua sử dụng mô hình cân đối liên ngành đối với 138 ngành sản phẩm (bảng cân đối chưa được gộp thành 39 ngành kinh tế), theo tính toán đã chỉ ra những ngành sản phẩm nhỏ hơn tương ứng với nhóm ngành kinh tế được lựa chọn là ngành trọng điểm có bộ chỉ số tốt tương ứng. Điều này phần nào khắc phục

hạn chế trong việc gộp ngành (việc gộp ngành làm san đều đối với chỉ số ở nhóm ngành nhỏ). Bên cạnh đó, việc lựa chọn các nhóm ngành sản phẩm nhỏ hơn cũng tạo điều kiện cho các ngành trọng điểm nhận được sự ưu tiên phát triển lớn hơn, tránh tình trạng ưu tiên dàn trải (Bảng 5).

Bảng 4: Danh mục ngành có khả năng lựa chọn là ngành trọng điểm của Việt Nam được xác định thông qua bảng cân đối liên ngành I/O 2007 (cập nhật năm 2011)

STT	Ngành	Hệ số lan tỏa	Độ nhạy	Hệ số lan tỏa nhập khẩu
1	Chăn nuôi	X	X	X
2	Nuôi trồng thủy sản	X	X	X
3	Sản xuất, chế biến thực phẩm	X	X	X
4	Sản xuất, chế biến đồ uống	X	X	O
5	Sợi và dệt	X	X	O
6	Sản xuất trang phục	X	X	O
7	Sản xuất kim loại và các sản phẩm từ kim loại	X	X	O
8	Sản xuất máy móc, thiết bị	X	X	O

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả tính toán.

Bảng 5: Danh mục ngành kinh tế và ngành sản phẩm tương ứng có khả năng lựa chọn là ngành trọng điểm của Việt Nam giai đoạn 2007-2015 được xác định thông qua bảng cân đối liên ngành I/O 2007

STT	Ngành kinh tế	Ngành sản phẩm	Hệ số lan tỏa	Độ nhạy	Hệ số lan tỏa nhập khẩu
1	Chăn nuôi	Lợn			
		Gia cầm	X	X	X
2	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	X	X	X
		Thịt đã qua chế biến và bảo quản; các sản phẩm từ thịt	X	X	X
		Thủy sản đã qua chế biến và bảo quản; các sản phẩm từ thủy sản	X	X	X
3	Sản xuất, chế biến thực phẩm	Rau, quả đã qua chế biến và bảo quản	X	X	X
		Gạo	X	X	X
		Cà phê đã qua chế biến	X	X	X
		Đường	X	X	X
4	Sản xuất, chế biến đồ uống	Sản xuất, chế biến đồ uống	X	X	O
5	Sợi và dệt	Sợi và dệt	X	X	O
6	Sản xuất trang phục	Trang phục các loại	X	X	O
7	Sản xuất kim loại và các sản phẩm từ kim loại	Sắt, thép, gang	X	X	O
		Linh kiện điện tử; máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	X	X	O
		Thiết bị truyền thông	X	X	O
8	Sản xuất máy móc, thiết bị	Sản phẩm điện tử dân dụng	X	X	O
		Mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	X	X	O
		Máy móc chuyên dụng	X	X	O

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả tính toán.

Một số hạn chế khi lựa chọn ngành trọng điểm thông qua mô hình cân đối liên ngành của Việt Nam:

Thứ nhất, khi sử dụng mô hình, cơ bản sử dụng ma trận Aij trong giai đoạn 5 năm là có thể chấp nhận sai số. Tuy nhiên, nếu dùng để chọn ngành trọng điểm để ưu tiên phát triển thì giai đoạn 5 năm chưa đủ để các chính sách ưu tiên phát triển phát huy tác dụng. Do vậy, cần liên tục cập nhật để có sự điều chỉnh cả về chính sách lẫn ngành trọng điểm.

Thứ hai, sử dụng mô hình cân đối liên ngành I/O trong lựa chọn ngành trọng điểm, nghiên cứu tiếp cận dựa vào cách xác định các hệ số có liên quan theo quan niệm của Hirschman và Rasmussen, các tiêu chí lựa chọn chỉ chú trọng tới mức độ liên kết, do đó các tiêu chí lựa chọn không thể bao quát hết theo các quan điểm khác. Một số tiêu chí sẽ không được đề cập như: tỷ trọng ngành trong đóng góp vào GDP, hiệu suất sử dụng vốn, lao động... Đây cũng là một hạn chế khi sử dụng mô hình để lựa chọn ngành trọng điểm, do đó cần nghiên cứu các phương pháp khác để có thể có cơ sở so sánh, phục vụ việc ra quyết định một cách chính xác nhất.

Bên cạnh đó, do hạn chế về mặt số liệu, bảng cân đối liên ngành của Việt Nam hiện nay chưa tích hợp yếu tố về môi trường và năng lượng, nghiên cứu vẫn chưa có được tính toán về hệ số lan tỏa tới môi trường và năng lượng trong các tiêu chí lựa chọn ngành trọng điểm.

Tuy có những hạn chế nhất định khi không tiếp cận được một số tiêu chí đánh giá khác liên quan đến ngành trọng điểm, thêm vào đó là những hạn chế từ nội tại mô hình. Tuy nhiên, đây là phương pháp định lượng cơ bản nhất hiện nay đang được nhiều nước trên thế giới áp dụng và mang lại kết quả tương đối khả quan.

Vì vậy, sử dụng mô hình cân đối liên ngành để định lượng các chỉ tiêu xác định ngành trọng điểm của Việt Nam sẽ là một trong những cơ sở khoa học phục vụ cho việc ra quyết định lựa chọn ngành.

4. Kết luận

Hiện nay nghiên cứu về ngành kinh tế trọng điểm ở Việt Nam là thực sự cần thiết. Nhà nước đã có những nghiên cứu về ngành trọng điểm và đưa ra danh mục các ngành cụ thể. Tuy nhiên, danh mục này đưa ra chủ yếu trên cơ sở định tính, chưa có cơ sở định lượng để lượng hóa chỉ tiêu về liên kết (một chỉ tiêu quan trọng trong lựa chọn ngành trọng điểm). Kết quả tính toán từ mô hình cân đối liên ngành đã lượng hóa được các chỉ tiêu về liên kết, là một trong những cơ sở khoa học quan trọng trong lựa chọn ngành trọng điểm. Các ngành có chỉ số tốt được lựa chọn thông qua tính toán bằng mô hình cân đối liên ngành I/O là: Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và sản xuất chế biến thực phẩm. Đây là những ngành cần có các chính sách hỗ trợ nhiều hơn nhằm thúc đẩy phát triển cho từng ngành, từ đó thúc đẩy quá trình phát triển chung của toàn bộ nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] Wassily Leontief, The Structure of the American Economy, 1919-1929, Cambridge, Mass: Harvard University Press, 1941.
- [2] Albert O. Hirshman, The Strategy of Economic Development, Yale University Press, C.T., 1958.
- [3] Bui Trinh, Pham Le Hoa & Bui Chau Giang, "Import Multiplier in Input-output Analysis", Working paper Number 2008/23, 2008.
- [4] Kwang M. K., Bui T., Kaneko F., Secretario T., "Structural Analysis of National Economy in Vietnam: Comparative Time Series Analysis based on 1989-1996-2000's Vietnam I/O Tables" presented at the 18th conference

- Pan Pacific Association of input-output studies, Chukyo University, 2007.
- [5] Bùi Trinh, Kiyoshi Kobayashi, Vũ Trung Điền, Phạm Lê Hoa, Nguyễn Việt Phong, “New Economic Structure for Vietnam toward Sustainable Economic Growth in 2020”, Global Journal of HUMAN SOCIAL SCIENCE Sociology Economics & Political Science, Vol.12, Issue 10, Version 1.0 2012, 2012.
- [6] Bui Trinh, Kiyoshi Kobayashi, Trung-Dien Vu, “Economic Integration and Trade Deficit: A Case of Vietnam”, Journal of Economic and International Finance 3 (2011) 13.
- [7] Nguyễn Khắc Minh, Nguyễn Việt Hùng, “Thay đổi cấu trúc kinh tế ở Việt Nam - Cách tiếp cận phân tích I/O”, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 142 (2009) 4.
- [8] Chenery, H. B. & Watanabe, T., “International Comparisons of the Structure of Production”, *Econometrica*, 26 (1958) 4.
- [9] Rasmussen, P. N., *Studies in Intersectoral Relations*, Amsterdam, North-Holland P.C., 1956.
- [10] Wassily Leontief, *Input - Output Economics*, New York Offord University Press, 1986.
- [11] Tổng cục Thống kê, *Bảng cân đối liên ngành I/O của Việt Nam các năm 2000, 2005, 2007*, NXB. Thống kê.
- [12] Ngô Thắng Lợi, Nguyễn Quỳnh Hoa, Vũ Thị Ngọc Phùng, *Giáo trình Hệ thống tài khoản quốc gia SNA*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2007.

Using Input-Output Tables in Selecting Key Economic Sectors in Vietnam

Nguyễn Phương Thảo

*National Center for Economic-Social Information and Forecast, Ministry of Planning and Investment,
D25, 8B Tôn Thất Thuyết Str., Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Started as an agricultural country, Vietnam cannot and should not invest broadly in all sectors and/or fields, thus it must determine which sectors are key for priority development purposes. In recent years, Vietnam decided that the selection of key sectors is a necessity; several documents therefore were issued accordingly. However, as it is mainly based on experts’ analysis, the selection is rather limited. In this research, a quantitative measure is proposed to clarify selection indicators, and then some key sectors that are believed to possibly become engines for Vietnam’s sustainably economic development are recommended.

Keywords: Key sectors, input-output tables, sectorial link (s).